

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày/...../2019
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy chế này áp dụng đối cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng và các quy định khác của pháp luật.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm các loại: Thông tin, dữ liệu về đất đai; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản; môi trường; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu; viễn thám; kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết; văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường; thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

khác do quy định của pháp luật được thu nhận và lưu trữ đúng quy định sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. *(Có danh mục tại phụ lục kèm theo).*

Điều 3. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai do Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, xây dựng, quản lý và tổ chức lưu trữ. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai được tổ chức, lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ủy ban Nhân dân các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí; các hợp đồng dịch vụ khác.

Chương II

**THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa sau đây gọi là Ủy ban Nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các đơn vị có liên quan và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý giao nộp”.

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng cho nhà nước phục vụ lợi ích chung của đất nước.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ thu sản phẩm.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động theo quy định của pháp luật phải thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của các số liệu quan trắc.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp được cơ quan lưu trữ xác nhận là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Chương III

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập sẽ được đánh giá, phân loại, xử lý và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường như sau:

1. Các bộ dữ liệu dạng giấy và dạng số do các tổ chức, cá nhân giao nộp quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy chế này được lưu trữ, phân loại tại hệ thống điều hành tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường. Ngoài ra, được công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, của Ủy ban Nhân dân tỉnh. Nội dung, thông tin dữ liệu công bố thực hiện theo Phụ lục II, Phụ lục III, Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (đã có hiệu lực pháp luật).

3. Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Dữ liệu được cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu thành phần. Hồ sơ, tài liệu dạng giấy được số hóa và xử lý, đính kèm tương ứng với thông tin thuộc tính.

4. Các nguồn thông tin, dữ liệu được thu thập từ các thiết bị tự động được truyền nhận liên tục về cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 11. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, thất lạc phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép và lưu trữ định kỳ tối thiểu 01 tháng/lần và các trường hợp sao lưu đột xuất khác.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 tháng/lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm phải tổ chức, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống.

5. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được giao quản lý, sử dụng các cơ sở dữ liệu thành phần có trách nhiệm cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 12. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Đơn vị có chức năng trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp để bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 13. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Toàn bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh được tổ chức, lưu trữ tại hệ thống, điều hành tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị có chức năng thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Chương IV

KHAİ THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Nhân dân tỉnh; cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

Điều 15. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu trực tuyến.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu trực tuyến của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử, dịch vụ SMS, ứng dụng thiết bị di động hoặc dịch vụ dữ liệu online phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ hoặc cho người khác sử dụng địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

Điều 17. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo quy định tại điểm 2, Điều này có lập phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) hoặc cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính thì trong thời hạn không quá 02 ngày, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.

2. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu;

b) Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu cần cung cấp;

c) Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu;

d) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu và phương thức nhận kết quả.

3. Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu.

4. Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì văn bản yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác

nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 18. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện dựa trên Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo quy định tại Khoản 3, Điều 5, Quy chế này.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu đã cung cấp.
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu của mình.

Điều 20. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Đối với các thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định việc cung cấp thông tin bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; độ Mật cho cá nhân, tổ chức nước ngoài khi tiến hành chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ;

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định việc cung cấp thông tin bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp hoặc phân cấp cho các đơn vị trực thuộc cung cấp các thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường không thuộc khoản 1 Điều này.

3. Quy định khai thác dữ liệu dạng file:

a) Khai thác để thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng các dự án, nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên môi trường thì được cung cấp dạng file biên tập được;

b) Khai thác phục vụ cho các mục đích khác ngoài quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được cung cấp dạng file pdf, jpeg, gif, tiff, png, mp3, mpeg-1, mpeg-2;

c) Trường hợp khai thác dữ liệu dạng file được quy định tại Điểm a Khoản 3, Điều này phải có ý kiến của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Những trường hợp không cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 22. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước có liên quan.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

4. Việc kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải đảm bảo thông qua trực liên thông của tỉnh và trực liên thông quốc gia.

Điều 23. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin dữ liệu quan trắc của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tài nguyên môi trường tự động phải được truyền nhận liên tục 05 phút/lần về Sở Tài nguyên và Môi trường và chia sẻ các địa phương giáp ranh khi cần thiết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo các điều kiện hạ tầng, kỹ thuật sẵn sàng kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tự động, liên tục về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; phê duyệt và tổ chức chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện hoặc giao nhiệm vụ cho đơn vị có chức năng trực thuộc Sở thực hiện:

a) Lập hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành;

b) Phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan để tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm;

c) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, công thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

đ) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm giao nộp hồ sơ, tài liệu các công việc đã kết thúc cho lưu trữ cơ quan; phối hợp trong việc thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

4. Sở Tài chính:

Xem xét, thẩm định kinh phí kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

5. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố và Ủy ban Nhân dân các phường, xã, thị trấn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn các huyện, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua đơn vị có chức năng trực thuộc Sở trước ngày 30 tháng 11 hàng năm;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan và ký biên bản xác nhận việc cung cấp thông tin, tài liệu cho đơn vị thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

6. Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp và ký biên bản xác nhận cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua đơn vị có chức năng) 01 (một) bộ dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Điều 25. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 16/11/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung, công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện và hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục

DANH MỤC DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

- a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; chồng ghép bản đồ quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính; thông tin về thửa đất; sổ địa chính, sổ mục kê; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng; dữ liệu về điều tra, trám lấp giếng không sử dụng; dữ liệu về điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất; điều tra đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;
- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

- a) Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
- b) Thông tin, dữ liệu khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

- c) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;
- d) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.
- e) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
- g) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản;
- h) Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;
- i) Thông tin, dữ liệu tai biến địa chất;
- k) Thông tin, dữ liệu địa chất công trình, địa chất đô thị.
- l) Mẫu vật địa chất, khoáng sản.
- m) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;
- n) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

- a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;
- b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;
- c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;
- d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;
- đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;
- e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
- g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

m) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

6. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia; điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; mốc cao độ theo quy hoạch phục vụ xây dựng công trình; Điểm tọa độ địa chính và các ghi chú điểm kèm theo;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

đ) Bản đồ hành chính; bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ địa lý tổng hợp; dữ liệu Atlas Đồng Nai; sản phẩm đo đạc và các loại bản đồ chuyên đề khác;

e) Dữ liệu địa danh;

g) Thông tin, dữ liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ tại các điểm a, b, c, d Khoản này và các thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

đ) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;

e) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám, gồm:

a) Dữ liệu ảnh viễn thám.

b) Siêu dữ liệu viễn thám.

c) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát bằng công nghệ viễn thám.

đ) Siêu dữ liệu viễn thám;

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

12. Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.